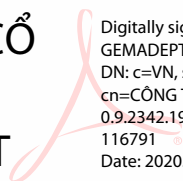




BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

**CÔNG TY CỔ
PHẦN
GEMADEPT**



Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
GEMADEPT
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=Quận 1,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301
116791
Date: 2020.04.07 14:30:45 +07'00'

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 44
8. Phụ lục	45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 04 tháng 6 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-28) 38 236 236
- Fax : (84-28) 38 235 236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên
Bà Lê Thúy Hương	Thành viên đã miễn nhiệm
Ông Tsuyoshi Kato	Thành viên được bầu bổ sung

Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Công Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 4 năm 2020

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam	
	Tel: +84 (028) 3547 2972	Fax: +84 (028) 3547 2970
		kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam	
	Tel: +84 (024) 3736 7879	Fax: +84 (024) 3736 7869
		kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam	
	Tel: +84 (0258) 246 5151	Fax: +84 (0258) 246 5806
		kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam	
	Tel: +84 (0292) 376 4995	Fax: +84 (0292) 376 4996
		kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0942/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 4 năm 2020, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gemadept tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		611.446.121.932	822.529.612.576
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	24.779.853.934	43.070.277.429
1. Tiền	111		24.779.853.934	43.070.277.429
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40.567.969.361	79.164.578.609
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	83.409.810.665	140.694.265.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(42.841.841.304)	(61.529.687.071)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		497.041.131.194	652.064.198.261
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.101.772.217	97.208.146.474
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	38.197.688.876	42.081.563.809
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	115.890.000.000	156.345.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	314.389.222.602	365.866.998.087
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(8.537.552.501)	(9.437.510.109)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.704.932.417	1.152.441.000
1. Hàng tồn kho	141	V.8	4.704.932.417	1.152.441.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		44.352.235.026	47.078.117.277
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.640.453.605	1.554.297.575
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		41.293.542.082	43.892.547.350
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.418.239.339	1.631.272.352
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.838.962.420.678	5.730.187.780.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22.467.369.443	18.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	22.467.369.443	18.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		690.678.358.761	701.626.964.986
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	523.507.863.301	489.660.783.947
- Nguyên giá	222		796.965.166.400	705.338.518.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273.457.303.099)	(215.677.734.221)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	159.869.253.562	203.471.422.418
- Nguyên giá	225		259.738.889.560	259.292.255.153
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(99.869.635.998)	(55.820.832.735)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.301.241.898	8.494.758.621
- Nguyên giá	228		19.462.953.294	19.462.953.294
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.161.711.396)	(10.968.194.673)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		27.523.233.634	61.096.896.014
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	27.523.233.634	61.096.896.014
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		5.042.256.295.154	4.884.304.774.934
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.583.567.288.483	3.394.681.888.483
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.816.684.673.941	1.807.852.948.941
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	170.581.032.000	186.457.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(528.576.699.270)	(504.687.094.490)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		56.037.163.686	65.159.144.806
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	43.683.389.018	53.171.448.478
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	12.353.774.668	11.987.696.328
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.450.408.542.610	6.552.717.393.316

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.240.946.808.065	1.282.894.763.686
I. Nợ ngắn hạn	310		823.755.317.238	813.353.689.702
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	32.249.027.500	46.085.148.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	44.719.003.838	10.737.264.845
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.681.671.071	12.974.485.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	4.812.210.584	4.375.752.294
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	5.234.940.031	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	75.177.811.388	65.620.112.498
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	556.847.897.836	587.806.307.781
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	61.587.682.540	59.938.481.636
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	32.445.072.450	25.816.137.157
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		417.191.490.827	469.541.073.984
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	417.191.490.827	469.330.116.703
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	-	210.957.281
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.209.461.734.545	5.269.822.629.630
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.209.461.734.545	5.269.822.629.630
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.969.249.570.000	2.969.249.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(195.265.276)	(432.264.540)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72.682.100.796	72.682.100.796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69.568.035.889	69.568.035.889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	86.936.713.194	147.534.607.543
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	147.534.607.543
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		86.936.713.194	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.450.408.542.610	6.552.717.393.316

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020


Phạm Quang Huy
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

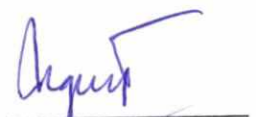
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	241.420.977.702	224.113.187.554
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		241.420.977.702	224.113.187.554
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	177.056.564.274	151.405.527.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.364.413.428	72.707.660.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	638.474.744.854	2.338.508.896.047
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	101.700.516.614	83.773.272.713
Trong đó: chi phí lãi vay	23		70.419.215.184	43.981.940.846
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.605.209.502	1.696.292.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	126.254.176.935	125.052.923.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		473.279.255.231	2.200.694.067.434
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.308.220.627	4.932.253.360
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.797.753.428	2.991.550.415
13. Lợi nhuận khác	40		(489.532.801)	1.940.702.945
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		472.789.722.430	2.202.634.770.379
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	49.983.220.108	213.705.438.542
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(577.035.621)	(1.394.637.294)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>423.383.537.943</u>	<u>1.990.323.969.131</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020


Phạm Quang Huy
 Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		472.789.722.430	2.202.634.770.379
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10;		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11; V.12	107.581.052.560	74.702.530.481
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.7	10.360.036.978	33.552.423.209
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3; VI.4	(869.270.746)	6.565.390.390
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3; VI.7	(637.618.715.743)	(2.317.657.103.533)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	70.419.215.184	43.981.940.846
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.662.040.663	43.779.951.772
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		39.036.211.305	87.662.745.949
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.552.491.417)	(1.120.255.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		15.305.515.769	(30.257.699.624)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.475.459.071)	(3.732.352.884)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	57.284.455.015	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(61.786.560.349)	(49.024.350.205)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(15.760.709.765)	(207.846.793.952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(21.965.061.499)	(16.274.229.431)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.747.940.651	(176.812.983.602)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.13; VII.	(75.469.121.237)	(262.185.922.998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10; VI.7; VII.	1.022.980.136	26.712.189.573
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(55.065.460.000)	(387.892.840.992)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		95.285.460.000	365.092.840.992
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(198.717.125.000)	(142.402.878.055)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.283.602.180	2.074.274.670.940
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		685.991.478.578	655.565.965.755
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		481.331.814.657	2.329.164.025.215

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25	-	86.480.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		758.894.033.598	714.569.901.072
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(786.676.131.981)	(463.012.898.928)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(55.979.121.000)	(31.919.524.446)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20; V.25	(445.315.480.125)	(2.751.660.001.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(529.076.699.508)	(2.445.542.524.027)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(17.996.944.200)	(293.191.482.414)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.070.277.429	336.882.059.451
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(293.479.295)	(620.299.608)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	24.779.853.934	43.070.277.429


Phạm Quang Huy
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền với tỷ lệ 15%, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Trong năm, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Cảng Phước Long, Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương và Công ty TNHH Golden Globe, đồng thời ra quyết định chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Campuchia và hoàn tất giải thể Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tín.

Lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước do năm trước Công ty phát sinh khoản lãi chuyển nhượng một phần vốn trong công ty con để thực hiện tái cấu trúc Tập đoàn. Tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường vẫn tăng trưởng so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có 18 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 19 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6a. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%

⁽ⁱ⁾ Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6b. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Ấp Tân Lộc, Phường Phước Hòa, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,25%	32,25%	32,25%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

6c. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	18B Đường 500, Khu phố 1, Phường Phsar Doeumthkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 191 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 169 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các Chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của Chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.858.025.615	2.515.324.364
Tiền gửi ngân hàng	20.921.828.319	40.554.953.065
Cộng	24.779.853.934	43.070.277.429

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân ⁽ⁱ⁾	37.686.574.985	26.100.068.211	(11.586.506.774)	94.971.030.000	62.645.063.159	(32.325.966.841)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	14.467.637.700	(17.020.626.662)	31.488.264.362	16.519.218.000	(14.969.046.362)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	461.000	(386.768)	650.218	365.900	(352.768)
Cộng	83.409.810.665	40.568.166.911	(42.841.841.304)	140.694.265.680	79.164.647.059	(61.529.687.071)

(i) Trong năm, Công ty đã bán 4.220.500 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(61.529.687.071)	(74.153.531.152)
Hoàn nhập dự phòng	18.687.845.767	12.623.844.081
Số cuối năm	(42.841.841.304)	(61.529.687.071)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.583.567.288.483	(400.935.691.203)	3.394.681.888.483	(373.669.542.700)
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	858.544.094.800	(107.586.696.960)	821.547.894.800	(86.537.815.310)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(163.087.548.300)	586.721.892.380	(158.712.498.700)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	360.000.000.000	-	360.000.000.000	(31.017.920.515)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	304.981.895.550	(118.500.171.120)	258.592.695.550	(81.556.853.689)
Công ty TNHH Cảng Phước Long ⁽ⁱ⁾	300.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	87.300.000.000	(9.585.147.164)	85.800.000.000	(9.460.093.395)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	78.000.000.000	-	78.000.000.000	(5.384.361.091)
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	(2.176.127.659)	2.343.651.753	-
Các công ty con khác ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.637.304.000	-	2.637.304.000	(1.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.816.684.673.941	(124.533.733.020)	1.807.852.948.941	(121.603.440.229)
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(92.925.279.065)	834.150.000.000	(80.767.976.488)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	-	131.555.876.205	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept	108.001.500.000	-	108.001.500.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	-	104.620.023.000	(11.712.456.929)
Công ty TNHH Golden Globe ⁽ⁱ⁾	103.823.882.496	(1.554.059.035)	94.992.157.496	(626.134.604)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(11.299.786.777)	49.825.280.000	(9.742.264.065)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	170.581.032.000	(3.107.275.047)	186.457.032.000	(9.414.111.561)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.107.275.047)	5.000.000.000	(3.167.288.833)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	15.876.000.000	(6.246.822.728)
Cộng	5.570.832.994.424	(528.576.699.270)	5.388.991.869.424	(504.687.094.490)

(i) Tăng do góp vốn bổ sung.

(ii) Giảm do giải thể công ty con.

(iii) Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đã hoàn tất các thủ tục giải thể.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(504.687.094.490)	(474.089.068.995)
Trích lập dự phòng bổ sung	(29.401.034.780)	(45.805.325.495)
Xóa dự phòng do giải thể công ty con và đơn vị khác	5.511.430.000	15.207.300.000
Số cuối năm	(528.576.699.270)	(504.687.094.490)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số VIII.1b.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố

Công ty đã dùng 8.530.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).

Công ty đã dùng cổ phần của Công ty trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.21b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>15.787.389.504</i>	<i>53.752.411.415</i>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	6.257.520.956	20.662.956.601
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	3.990.000.000	2.156.000.000
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.819.354.850	3.691.392.506
Công ty TNHH Cảng Phước Long	1.562.500.000	11.419.893.476
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	943.013.698	1.412.903.226
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	792.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	396.000.000	2.336.800.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	27.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	-	6.403.258.406
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	-	4.130.800.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	-	1.538.407.200
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>21.314.382.713</i>	<i>43.455.735.059</i>
Huyn dai Merchant Marine Co., Ltd.	4.802.284.139	-
Công ty Cổ phần CMA – CGM Việt Nam	4.028.334.792	-
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	16.806.567.523
Các khách hàng khác	12.483.763.782	26.649.167.536
Cộng	<u>37.101.772.217</u>	<u>97.208.146.474</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	25.080.800.000	26.080.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	10.783.853.004
Các nhà cung cấp khác	2.333.035.872	5.216.910.805
Cộng	<u>38.197.688.876</u>	<u>42.081.563.809</u>

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>104.890.000.000</i>	<i>145.345.000.000</i>
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	86.000.000.000	86.000.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	16.600.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.290.000.000	2.110.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Nam Hải Đình Vũ	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	-	8.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tín Học Vĩ Tín	-	235.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>11.000.000.000</i>
Cộng	<u>115.890.000.000</u>	<u>156.345.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	249.467.882.626	290.666.367.914
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ	85.706.711.550	85.632.602.850
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất – Cổ tức được chia	61.088.000.000	38.800.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Cổ tức được chia	27.587.635.000	1.367.178
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	26.059.414.500	26.036.881.500
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương – Lợi nhuận được chia	12.000.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Cổ tức được chia, chi hộ	11.433.847.000	556.981.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	8.910.081.822	82.396.026.076
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Lợi nhuận được chia, nhờ thu hộ	7.663.152.863	31.478.017.357
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ – Cổ tức được chia	3.732.800.000	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Chi hộ, lãi cho vay	3.468.273.972	3.456.724.105
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	1.017.385.067	773.782.948
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings – Lãi cho vay	293.698.630	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	-	9.132.443.155
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Lợi nhuận được chia	-	1.983.150.686
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực – Cổ tức được chia	-	1.072.446.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín – Chi hộ	-	424.500.451
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ	-	327.961.655
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Lãi cho vay	-	82.328.766
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Chi hộ	-	4.271.965
Các bên liên quan khác	506.882.222	506.882.222
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	64.921.339.976	75.200.630.173
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Tạm ứng	29.929.792.352	31.562.880.969
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	454.969.224	2.722.178.104
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	1.427.105.175	6.389.443.118
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	14.109.473.225	15.526.127.982
Cộng	314.389.222.602	365.866.998.087

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản đặt cọc dài hạn	4.467.369.443	-
Cộng	22.467.369.443	18.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Bên liên quan		2.496.882.222	(2.496.882.222)		2.266.882.222	(2.266.882.222)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi vay		2.496.882.222	(2.496.882.222)		2.266.882.222	(2.266.882.222)
Các tổ chức và cá nhân khác		6.333.079.195	(6.040.670.279)		7.170.627.887	(7.170.627.887)
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán		3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Penex Container Lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng (*)		-	-	Trên 03 năm	2.792.724.771	(2.792.724.771)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 03 năm	3.333.079.195	(3.040.670.279)	Trên 03 năm	1.377.903.116	(1.377.903.116)
Cộng		8.829.961.417	(8.537.552.501)		9.437.510.109	(9.437.510.109)

(*) Trong năm Công ty đã thu hồi khoản công nợ Penex Container Lines Pte. Ltd với số tiền 2.245.919.198 VND, phần còn lại đã xóa nợ với số tiền 546.805.573 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.437.510.109)	(153.153.951.083)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(370.941.795)
Hoàn nhập dự phòng	353.152.035	-
Xóa nợ	546.805.573	144.087.382.769
Số cuối năm	(8.537.552.501)	(9.437.510.109)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	4.690.132.405	-	1.152.441.000	-
Hàng hóa	14.800.012	-	-	-
Cộng	4.704.932.417	-	1.152.441.000	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.352.505.859	1.358.469.357
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	287.947.746	195.828.218
Cộng	1.640.453.605	1.554.297.575

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi thuê tài chính container	38.589.763.593	49.467.126.156
Các chi phí trả trước dài hạn khác	5.093.625.425	3.704.322.322
Cộng	43.683.389.018	53.171.448.478

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.474.472.564	685.343.582.031	9.468.559.441	705.338.518.168
Mua sắm mới	-	207.318.438	14.420.980.909	423.450.000	15.051.749.347
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	81.194.022.998	-	81.194.022.998
Thanh lý	(763.679.834)	(360.208.536)	(2.362.565.001)	(1.136.537.355)	(4.622.990.726)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	3.740.813	125.800	3.866.613
Số cuối năm	5.288.224.298	4.321.582.466	778.599.761.750	8.755.597.886	796.965.166.400
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.288.224.298	4.017.900.392	112.157.540.819	4.481.221.520	125.944.887.029
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.405.792.263	199.352.046.858	5.867.990.968	215.677.734.221
Khấu hao trong năm	-	52.617.140	61.412.651.199	873.464.235	62.338.732.574
Thanh lý	(763.679.834)	(360.208.536)	(2.298.838.181)	(1.136.537.355)	(4.559.263.906)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	(25.590)	125.800	100.210
Số cuối năm	5.288.224.298	4.098.200.867	258.465.834.286	5.605.043.648	273.457.303.099
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	68.680.301	485.991.535.173	3.600.568.473	489.660.783.947
Số cuối năm	-	223.381.599	520.133.927.464	3.150.554.238	523.507.863.301
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 348.006.632.856 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21b).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.292.255.153
Thuê tài chính trong năm	446.634.407
Số cuối năm	259.738.889.560
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	55.820.832.735
Khấu hao trong năm	44.048.803.263
Số cuối năm	99.869.635.998
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	203.471.422.418
Số cuối năm	159.869.253.562

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.271.530.010	18.191.423.284	19.462.953.294
Số cuối năm	1.271.530.010	18.191.423.284	19.462.953.294
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.643.289.495	8.643.289.495
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10.968.194.673	10.968.194.673
Khấu hao trong năm	-	1.193.516.723	1.193.516.723
Số cuối năm	-	12.161.711.396	12.161.711.396
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.271.530.010	7.223.228.611	8.494.758.621
Số cuối năm	1.271.530.010	6.029.711.888	7.301.241.898
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí mua cầu, xe nâng, đóng tàu	56.679.122.572	45.501.098.118	(81.194.022.998)	20.986.197.692
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm HR	2.585.688.000	688.532.500	-	3.274.220.500
Phần mềm E – Office	476.910.000	1.430.730.000	-	1.907.640.000
Cộng	61.096.896.014	47.620.360.618	(81.194.022.998)	27.523.233.634

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.987.696.328	11.730.007.241
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	366.078.340	257.689.087
Số cuối năm	12.353.774.668	11.987.696.328

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	13.183.034.067	14.414.837.185
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	13.031.374.241	12.981.527.205
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	102.430.000	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	49.229.826	9.468.379
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	1.423.841.601
Phải trả các nhà cung cấp khác	19.065.993.433	31.670.311.287
Công ty Cổ phần Unico Vina	-	15.513.474.880
Các nhà cung cấp khác	19.065.993.433	16.156.836.407
Cộng	32.249.027.500	46.085.148.472

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

16a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	397.696.516	(397.696.516)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.186.463.983	(2.186.463.983)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	92.690.612	(92.690.612)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.461.532.737	-	49.983.220.108	(15.760.709.765)	44.684.043.080	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.317.603.949	18.664.523.591	(18.451.490.578)	-	1.104.570.936
Thuế nhà thầu	262.458.556	-	6.728.308.490	(6.969.079.840)	21.687.206	-
Các loại thuế khác	-	313.668.403	151.336.932	(151.336.932)	-	313.668.403
Cộng	10.723.991.293	1.631.272.352	78.204.240.232	(44.009.468.226)	44.705.730.286	1.418.239.339

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Chi nhánh Campuchia

	Số đầu năm		Số đã thực nộp trong năm		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.273.552	-	-	-	13.273.552
Cộng	13.273.552	-	-	-	13.273.552

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.771.155.555	497.616.332
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Chi phí lãi vay	1.771.155.555	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	-	497.616.332
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.041.055.029	3.878.135.962
Chi phí lãi vay	963.677.818	926.043.622
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.077.377.211	2.952.092.340
Cộng	4.812.210.584	4.375.752.294

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
CJ Logistics Corporation – Tiền trả trước về cung cấp dịch vụ tư vấn	4.937.359.091	-
Tiền trả trước về cho thuê tài sản cố định	297.580.940	-
Cộng	5.234.940.031	-

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.725.175.390	12.903.453.387
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ	5.102.301.379	5.117.063.590
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Chi phí lãi vay, các khoản thu hộ và phải trả khác	2.067.825.352	1.677.414.393
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Chi phí lãi vay	944.533.436	259.508.219
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương – Nhờ chi hộ	566.531.235	566.531.235
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng –		
Các khoản thu hộ và phải trả khác	308.096.880	1.066.094.645
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ	217.678.831	2.295.405.974
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi phí lãi vay	212.958.904	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Chi phí lãi vay	170.301.370	-
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Chi phí lãi vay	62.643.503	566.654.795
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ –		
Các khoản thu hộ và chi phí lãi vay	-	1.282.476.036
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	65.452.635.998	52.716.659.111
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	404.148.744	262.047.160
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	603.148.840	603.148.840
Cổ tức phải trả	209.737.500	137.782.125
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	64.235.600.914	51.713.680.986
Cộng	75.177.811.388	65.620.112.498

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	426.331.296.863	448.775.223.876
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ ⁽ⁱ⁾	249.619.696.863	118.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept ⁽ⁱ⁾	57.000.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải ⁽ⁱ⁾	54.011.600.000	48.500.000.000
Vay Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M ⁽ⁱ⁾	48.000.000.000	-
Vay Công ty TNHH Cảng Phước Long ⁽ⁱ⁾	9.100.000.000	-
Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương ⁽ⁱ⁾	6.100.000.000	8.500.000.000
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ ⁽ⁱ⁾	2.500.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	-	220.320.963.876
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	-	53.454.260.000
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	130.516.600.973	139.031.083.905
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	-	27.163.172.621
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	74.770.919.872	55.962.938.572
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	55.745.681.101	55.904.972.712
Cộng	556.847.897.836	587.806.307.781

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

(i) Khoản vay các bên liên quan theo lãi suất cố định được quy định cụ thể trong từng hợp đồng.

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	267.938.555.327	264.457.549.999
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	187.874.611.427	184.457.549.999
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	60.000.000.000	80.000.000.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	20.063.943.900	-
<i>Nợ thuê tài chính</i>	149.252.935.500	204.872.566.704
Thuê tài chính Trac Container Ltd.	125.409.932.219	159.396.923.957
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	23.843.003.281	45.475.642.747
Cộng	417.191.490.827	469.330.116.703

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long và đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay không quá 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam và tài sản hình thành từ vốn vay (xem các thuyết minh số V.2b và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 8.530.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2b).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư mua 04 xe nâng container với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	342.709.475.199	74.770.919.872	263.295.698.188	4.642.857.139
Nợ thuê tài chính	204.998.616.601	55.745.681.101	149.233.584.416	19.351.084
<i>Tiền gốc phải trả</i>	<i>165.181.184.343</i>	<i>44.502.012.636</i>	<i>120.663.515.253</i>	<i>15.656.454</i>
<i>Lãi thuê phải trả</i>	<i>39.817.432.258</i>	<i>11.243.668.465</i>	<i>28.570.069.163</i>	<i>3.694.630</i>
Cộng	547.708.091.800	130.516.600.973	412.529.282.604	4.662.208.223
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	320.420.488.571	55.962.938.572	223.851.754.288	40.605.795.711
Nợ thuê tài chính	260.777.539.416	55.904.972.712	181.827.790.554	23.044.776.150
<i>Tiền gốc phải trả</i>	<i>209.795.319.967</i>	<i>44.717.652.195</i>	<i>146.443.869.938</i>	<i>18.633.797.834</i>
<i>Lãi thuê phải trả</i>	<i>50.982.219.449</i>	<i>11.187.320.517</i>	<i>35.383.920.616</i>	<i>4.410.978.316</i>
Cộng	581.198.027.987	111.867.911.284	405.679.544.842	63.650.571.861

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.816.137.157	16.459.620.558
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	38.593.996.792	40.630.746.030
Giảm trong năm	(31.965.061.499)	(31.274.229.431)
Số cuối năm	32.445.072.450	25.816.137.157

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	210.957.281	1.347.905.488
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh và giảm khác	(210.957.281)	(1.136.948.207)
Số cuối năm	-	210.957.281

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	296.924.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	16.534.098.000	16.217.659.836
Trên 01 năm đến 05 năm	8.267.049.000	24.326.489.754
Cộng	24.801.147.000	40.544.149.590

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

26b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 428.951,82 USD (số đầu năm là 526.669,73 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**26c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Gemadep (S) Pte. Ltd.	113.372.510.867	113.372.510.867	Do tái cấu trúc, giải thể công ty
Grand Pacific Shipping Pte Ltd	29.458.000.000	29.458.000.000	Do tái cấu trúc, giải thể công ty
Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do giải thể công ty
Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tín	542.337.194	-	Do giải thể công ty
Các đối tượng khác	2.981.863.440	2.435.057.867	Không có khả năng thu hồi
Cộng	147.632.227.416	146.543.084.649	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	239.955.704.447	221.335.113.582
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.465.273.255	2.778.073.972
Cộng	241.420.977.702	224.113.187.554

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VIII.1b.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	145.190.482	12.678.403.043
Lãi tiền cho vay	9.316.845.713	11.912.286.295
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	1.790.862.962.895
Cổ tức, lợi nhuận được chia	627.342.616.714	513.895.036.162
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	8.780.075.685
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	869.270.746	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	800.821.199	380.131.967
Cộng	638.474.744.854	2.338.508.896.047

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	70.419.215.184	43.981.940.846
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.293.480.140	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	6.565.390.390
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	17.157.125.015	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	10.713.189.013	33.181.481.414
Chi phí tài chính khác	117.507.262	44.460.063
Cộng	101.700.516.614	83.773.272.713

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	69.318.273.448	55.869.792.832
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.245.881.422	601.868.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.834.823.267	5.883.931.540
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(353.152.035)	370.941.795
Chi phí thuê văn phòng	18.398.243.643	19.061.301.086
Các chi phí khác	31.810.107.190	43.265.087.971
Cộng	126.254.176.935	125.052.923.469

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	959.253.316	986.818.181
Các khoản thu nhập khác	1.348.967.311	3.945.435.179
Cộng	2.308.220.627	4.932.253.360

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xóa nợ	542.337.194	287.441.776
Chi phí bồi thường	2.141.368.277	341.518.138
Các khoản chi phí khác	114.047.957	2.362.590.501
Cộng	2.797.753.428	2.991.550.415

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(366.078.340)	(257.689.087)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(210.957.281)	(1.136.948.207)
Cộng	(577.035.621)	(1.394.637.294)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.346.488.293	21.555.288.787
Chi phí nhân công	83.228.149.487	67.865.635.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	107.581.052.560	74.702.530.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.583.494.408	60.387.227.419
Chi phí khác	42.176.765.963	53.644.061.310
Cộng	304.915.950.711	278.154.743.454

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm Công ty phát sinh giao dịch cần trừ lãi vay phải trả với công nợ phải thu với số tiền 6.413.916.806 VND.

Công ty có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm và thanh lý tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	50.000.000	1.962.000.000
Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định	3.753.906.925	18.462.918.197
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.347.491.116	1.347.491.116

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	11.728.016.000	9.993.008.000
Thu nhập khác	2.568.835.292	2.062.035.292
Cộng	14.296.851.292	12.055.043.292

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	Công ty con của Công ty con
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của Công ty liên kết
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương		
Góp vốn	36.996.200.000	19.724.794.800
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải		
Cổ tức được chia	29.988.400.000	28.000.000.000
Vay	40.500.000.000	48.500.000.000
Lãi vay	4.736.241.272	1.080.752.055
Chi hộ	93.230.728	24.327.040
Chi phí khác	550.128.426	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ		
Doanh thu cho thuê tài sản	10.960.313.725	8.966.474.571
Vay	179.000.000.000	123.000.000.000
Lãi vay	12.594.701.037	1.433.810.960
Chi hộ	4.271.965	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ		
Doanh thu cho thuê tài sản	9.887.096.775	4.095.407.984
Chi phí dịch vụ và chi phí khác	922.322.435	-
Cổ tức được chia	156.444.957.900	165.249.219.600
Vay	82.500.000.000	137.000.000.000
Lãi vay	1.334.123.287	1.901.022.754
Cho vay	-	58.000.000.000
Lãi cho vay	33.657.534	205.224.657
Chi hộ	117.079.566	86.205.569
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương		
Góp vốn	46.389.200.000	75.547.450.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long		
Doanh thu cho thuê tài sản	20.595.454.540	25.316.392.959
Doanh thu dịch vụ	-	611.057.564
Chi phí dịch vụ	-	93.681.381
Lợi nhuận được chia	70.000.000.000	58.000.000.000
Vay	60.100.000.000	-
Lãi vay	212.958.904	-
Cho vay	37.500.000.000	120.000.000.000
Lãi cho vay	401.621.919	3.341.845.355
Góp vốn	100.000.000.000	-
Chi hộ	306.124.652	259.055.408
Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương		
Góp vốn	1.500.000.000	3.300.000.000
Chi hộ	243.602.119	429.512.343
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải		
Doanh thu cho thuê tài sản	6.207.272.724	2.520.000.000
Cho vay	-	14.000.000.000
Lãi cho vay	6.879.999.999	6.850.094.368
Chi hộ	23.213.412	7.737.804
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept		
Vay	57.000.000.000	-
Cổ tức được chia	10.200.000.000	-
Lãi vay	390.410.959	-
Chi hộ	676.866.000	556.981.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất		
Doanh thu cho thuê tài sản	659.454.547	634.909.091
Chi phí dịch vụ	61.835.622	77.073.045
Cổ tức được chia	35.088.000.000	40.800.000.000
Cho vay	-	10.000.000.000
Lãi cho vay	-	14.383.562
Thu hộ	2.871.550.264	-
Nhờ chi hộ	-	3.388.563.053

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M		
Lợi nhuận được chia	183.016.849.314	24.000.000.000
Vay	150.000.000.000	1.000.000.000
Lãi vay	1.941.456.926	17.534.246
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	11.040.000.000	5.520.000.000
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương		
Doanh thu bán hàng hóa	5.005.008.736	7.916.399.438
Doanh thu thanh lý tài sản	-	305.000.000
Chi phí dịch vụ	123.203.804	472.113.971
Lợi nhuận được chia	4.000.000.000	10.000.000.000
Góp vốn	5.000.000.000	-
Chi hộ	90.103.678	-
Công ty TNHH Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương		
Lợi nhuận được chia	-	2.000.000.000
Vay	1.600.000.000	7.000.000.000
Lãi vay	355.024.657	497.671.232
Công ty TNHH ISS – Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	-	7.983.500
Lợi nhuận được chia	-	1.792.503.763
Công ty TNHH Dịch vụ Tín học Vĩ Tín		
Chi phí dịch vụ	-	945.000.000
Cho vay	-	235.000.000
Chi hộ	-	1.008.395.280
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	265.905.802	264.000.000
Lãi vay	328.142.924	1.248.590.178
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn		
Cổ tức được chia	123.558.988.000	175.195.580.000
Vay	50.000.000.000	198.000.000.000
Lãi vay	2.386.574.562	4.227.963.676
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings		
Cho vay	14.600.000.000	4.000.000.000
Lãi cho vay	722.997.261	71.912.329
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept		
Doanh thu cho thuê văn phòng	382.948.122	344.904.392
Góp vốn	-	36.649.000.000
Vay	-	30.000.000.000
Lãi vay	-	345.205.479

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings		
Cho vay	2.785.460.000	-
Lãi cho vay	115.719.686	-
Công ty TNHH Golden Globe		
Góp vốn	8.831.725.000	6.969.000.000
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	674.940.000	1.157.040.000
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm		
Cho vay	180.000.000	330.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương		
Doanh thu cho thuê tài sản	720.000.000	-
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng		
Doanh thu cho thuê tài sản	6.026.181.817	6.466.181.818
Chi hộ	31.276.075	70.541.810
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept		
Doanh thu dịch vụ	7.202.663.575	7.778.378.064
Doanh thu cho thuê tài sản	4.384.377.658	3.451.090.909
Chi phí dịch vụ	72.781.818	287.590.909
Vay	-	2.077.159.008
Lãi vay	-	6.191.641
Cho vay	-	173.327.840.992
Lãi cho vay	-	339.784.931
Chi hộ	1.859.755.563	1.245.867.199
Thu hộ	17.274.447.889	35.934.748.281
Công ty Cổ phần Mekong Logistics		
Cho vay	-	8.000.000.000
Lãi cho vay	282.849.316	176.630.135
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept		
Doanh thu cho thuê tài sản	80.440.387.741	67.243.233.408
Doanh thu dịch vụ	3.712.431.127	3.570.040.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	1.597.423.800
Chi phí dịch vụ	9.545.455	290.785.457
Thu hộ	36.832.498.761	47.416.086.960
Chi hộ	30.259.243.983	2.366.540.432

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty đã thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh liên quan đến khoản đầu tư Dự án Cảng Cái Mép – Gemadept Terminal Link giai đoạn 1.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.15, V.18, V.20 và V.21a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (chiếm đến 99,39% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ).

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	177.916.115.707	159.108.345.949
Nước ngoài	63.504.861.995	65.004.841.605
Cộng	241.420.977.702	224.113.187.554

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	68.991.953.840	485.086.833.857
Nước ngoài	-	4.033.634.422
Cộng	68.991.953.840	489.120.468.279

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong nước	1.259.871.170.330	1.481.736.723.244
Nước ngoài	95.359.333.097	95.523.620.201
Cộng	1.355.230.503.427	1.577.260.343.445

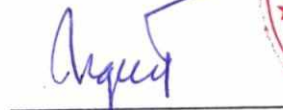


3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020


Phạm Quang Huy
Người lập


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.882.769.570.000	1.941.832.197.040	69.388.382.902	(482.399.072)	72.682.100.796	69.568.035.889	517.029.040.442	5.552.786.927.997
Tăng vốn trong năm	86.480.000.000	-	-	-	-	-	-	86.480.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.990.323.969.131	1.990.323.969.131
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(40.630.746.030)	(40.630.746.030)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.319.187.656.000)	(2.319.187.656.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	50.134.532	-	-	-	50.134.532
Số dư cuối năm trước	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	69.388.382.902	(432.264.540)	72.682.100.796	69.568.035.889	147.534.607.543	5.269.822.629.630
Số dư đầu năm nay	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	69.388.382.902	(432.264.540)	72.682.100.796	69.568.035.889	147.534.607.543	5.269.822.629.630
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	423.383.537.943	423.383.537.943
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(38.593.996.792)	(38.593.996.792)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(445.387.435.500)	(445.387.435.500)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	236.999.264	-	-	-	236.999.264
Số dư cuối năm nay	2.969.249.570.000	1.941.832.197.040	69.388.382.902	(195.265.276)	72.682.100.796	69.568.035.889	86.936.713.194	5.209.461.734.545

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2020



Nguyễn Minh Nguyệt

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Phạm Quang Huy

Phạm Quang Huy
Người lập

Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

